

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/DS-PT

Ngày: 19/12/2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Cường.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Nhung, Ông Bùi Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm Sát Viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48 /2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tiền”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã ĐT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2017/QĐPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H** (tên gọi khác: Phạm Thị N).

Địa chỉ cư trú: Khu 5, phường A, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Q**.

Hiện làm phó chủ tịch hội B thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ cư trú: Khu C, phường D, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Vào ngày 08/02/2013 chị H có cho chị Nguyễn Thị Q vay số tiền là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), chị Q có viết giấy biên nhận vay tiền. Trong giấy vay tiền không ghi rõ thời hạn vay, lãi xuất. Nhưng theo chị H khai thời hạn vay là một tuần sau sẽ trả, đến nay chị Q mới trả được cho chị số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Số tiền còn lại là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Nay chị H yêu cầu chị Q phải trả chị số tiền còn nợ là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

* Quan điểm của chị Nguyễn Thị Q cho rằng:

Từ năm 1995 tới nay, chị và chị Phạm Thị N (tức H) thường xuyên giao dịch về vay vốn lãi suất cao 2000đ/triệu/ ngày nhưng không có thể chấp tài sản. Cuối năm 2013 do làm ăn thua lỗ nên chị không trả được số tiền nợ cho chị Phạm Thị N đúng thời hạn nên chị N đã chuyển số nợ lãi vào nợ gốc với tổng số tiền là 350.000.000đ, chị đã trả chị N nhiều lần với tổng số tiền là 150.000.000đ, có 05 lần chị N viết giấy nhận tiền, còn 02 lần chị N không viết giấy bảo tạm tính vào lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã ĐT đã quyết định áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 470 và Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H (tên gọi khác: Phạm Thị N). Buộc chị Nguyễn Thị Q phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị H số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra Tòa án còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/9/2017 chị Nguyễn Thị Q kháng cáo với nội dung bản án sơ thẩm xét xử không minh bạch, không đúng tình tiết bản chất của vay nợ giữa chị với chị N, yêu cầu Tòa án tỉnh bác bỏ bản án sơ thẩm của TAND thị xã ĐT.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Q không yêu cầu Luật sư bảo vệ cho mình nữa. Về nội dung chị Q có ý kiến cho rằng chị đã trả được cho chị H 150 triệu đồng, trong đó có 130 triệu đồng tiền gốc, 20 triệu đồng tiền lãi, hiện còn nợ 200 triệu đồng. Và yêu cầu chị H trả lại giấy giao đất giao rừng cho chị để chị trả lại anh T. Món vay ngày 08/02/2013 do một mình chị vay của chị H.

Chị H trình bày ngày 08/02/2013 chị có cho chị Q vay 350 triệu đồng, đã trả được 130 triệu đồng. Hiện còn nợ 220 triệu đồng. Trong đó 130 triệu đồng có ghi giấy, còn 20 triệu đồng là tiền lãi không ghi giấy. Chị H cũng đồng ý trả lại chị Q sổ giao đất giao rừng nếu chị Q trả hết tiền cho chị.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về tổ tụng TAND tỉnh Quảng Ninh, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Về nội dung đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ lời khai của hai bên đương sự, “giấy biên nhận” ghi ngày 08/02/2013 thì có căn cứ xác định ngày 08/02/2013 chị Q có vay của chị H (tên gọi khác là N) 350 triệu đồng. Vì tại giấy biên nhận có ghi “*tôi là Nguyễn Thị Q Khu C, phường D, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh có vay của chị Phạm Thị N 350 triệu đồng*”

chị H thừa nhận chị Q đã trả được cho chị 130 triệu đồng tiền gốc, và 20 triệu đồng tiền lãi. Hiện còn nợ 220 triệu đồng tiền gốc.

Tại lời khai ngày 04/12/2017 và tại phiên tòa phúc thẩm chị Q cho rằng chị đã trả cho chị H 150 triệu đồng tiền gốc, hiện còn nợ 200 triệu đồng. Trong đó có 130 triệu đồng là có giấy biên nhận, còn 20 triệu đồng chị cũng trả vào tiền gốc nhưng chị H tính vào lãi nên không có giấy.

Căn cứ lời khai của hai bên đương sự, các giấy biên nhận ghi ngày 03/10/2013 trả 40 triệu đồng, ngày 12/5/2014 trả 30 triệu đồng, ngày 02/6/2014 trả 15 triệu đồng, ngày 05/9/2014 trả 35 triệu đồng và sự thừa nhận của chị H thì có căn cứ xác định chị Q đã trả cho chị H 130 triệu đồng tiền gốc. Việc chị Q cho rằng 20 triệu đồng chị trả cho chị H là trả vào tiền gốc tuy nhiên chị lại không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của chị vì vậy không được chấp nhận.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị Q còn nợ chị H 220 triệu đồng tiền gốc và buộc chị Q phải trả cho chị H 220 triệu đồng là có căn cứ.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm TAND tỉnh Quảng Ninh có nhận được một “đơn đề nghị” không ghi ngày tháng, của anh Nguyễn Đức T, có xác nhận của UBND phường ĐC, thị xã ĐT. Nội dung anh T trình bày năm 2004 anh có nhận khoán của Lâm trường ĐT 1,5ha đất để trồng cây, có hồ sơ giao khoán đất số 608, ngày 28/01/2007 anh đã bán lại diện tích đất này cho vợ chồng chị Q, đã giao cho chị Q sổ giao khoán đất lâm nghiệp, vợ chồng chị Q đã trả một nửa tiền, hiện còn nợ một nửa. Sau đó chị Q mang hồ sơ giao đất đi thế chấp cho chị H để vay tiền. Nay anh yêu cầu chị H trả lại sổ giao đất rừng cho anh. Về việc này Tòa án tỉnh thấy theo lời trình bày của anh T và “giấy biên nhận” ghi ngày 28/01/2007 thì anh T có bán mảnh vườn rộng 1,5ha cho anh Q chị Q và anh đã nhận đủ tiền. Nay anh muốn lấy lại sổ giao đất rừng thì anh phải kiện chị Q vì anh bán rừng, giao sổ cho chị Q? Chị Q là người mang đi thế chấp cho chị H chứ anh không thế chấp cho chị H. Tuy nhiên việc thế chấp giữa chị Q với chị H cũng không đúng quy định của pháp luật, vì hợp đồng thế chấp chưa được công chứng chứng thực, chưa làm thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo theo như quy định tại điều 715 và 717 Bộ luật dân sự và Luật đất đai. Nên việc thế chấp này vô hiệu. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm chị H cũng đồng ý trả lại sổ giao đất cho chị Q. Do vậy Tòa án sẽ buộc chị H trả lại sổ giao đất cho

chị Q. Theo lời khai của chị Q món vay ngày 08/2/2013 là do một mình chị vay nên không phải đưa chồng chị Q tham gia vụ án.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên chị Q không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Q.

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 470 và Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 715 và 717 Bộ luật dân sự 2005.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H (tên gọi khác: Phạm Thị N).

Buộc chị Nguyễn Thị Q phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị H số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

Phần thế chấp “Hồ sơ giao khoán đất lâm nghiệp số 608” giữa chị Nguyễn Thị Q với chị Phạm Thị H trong giấy biên nhận ghi ngày 08/2/2013 vô hiệu. Buộc chị Phạm Thị H trả lại “Hồ sơ giao khoán đất lâm nghiệp số 608 mang tên ông Nguyễn Đức T” cho chị Phạm Thị Q.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Q phải nộp 11.000.000đ án phí sơ thẩm. Chị Q không phải nộp án phí phúc thẩm. Trả lại chị Q 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị Q đã nộp ngày 07/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã ĐT (Biên lai số 7149).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán- chủ tọa phiên toa

Nơi nhân:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã ĐT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Cường